

THÔNG TƯ

Quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH13 ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường,

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công chức làm việc tại các tổ chức Quản lý thị trường ở trung ương và các tổ chức Quản lý thị trường ở địa phương (sau đây gọi tắt là cơ quan Quản lý thị trường các cấp).

2. Cơ quan Quản lý thị trường các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quản lý, sử dụng số hiệu, biên hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường ở trung ương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thống nhất quản lý số hiệu, biên hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu và trang phục của lực lượng Quản lý thị trường theo quy định tại Thông tư này.

2. Công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp có trách nhiệm bảo quản và sử dụng đồng bộ trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biên hiệu. Quản lý thị trường được cấp phát khi làm việc, khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát thị trường, thanh tra chuyên ngành; khi tham gia họp, hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý thị trường.

3. Công chức Quản lý thị trường không bắt buộc mặc trang phục Quản lý thị trường trong các trường hợp sau:

a) Khi được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm tra, xác minh thông tin, theo dõi, phát hiện vi phạm hành chính mà theo yêu cầu công tác phải giữ bí mật;

b) Công chức nữ đang mang thai.

4. Thu hồi biên hiệu, cấp hiệu:

a) Biên hiệu bị thu hồi, tiêu huỷ khi công chức chuyển công tác, nghỉ hưu, nghỉ việc, bị buộc thôi việc, khi được cấp lại hoặc bị hỏng;

b) Cấp hiệu đã cấp phát bị thu hồi khi công chức bị buộc thôi việc, được cấp thay thế theo niên hạn, được cấp lại do bị hỏng, được cấp mới do thay đổi về chức vụ lãnh đạo hoặc thay đổi về ngạch công chức.

5. Công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp đã nghỉ hưu, nghỉ việc chỉ được sử dụng phù hiệu, cấp hiệu, trang phục Quản lý thị trường trong các ngày kỷ niệm, ngày lễ và sự kiện truyền thông của lực lượng Quản lý thị trường.

Chương II

MẪU, QUY CÁCH, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG SỐ HIỆU, BIÊN HIỆU, PHÙ HIỆU, CỜ HIỆU, CẤP HIỆU VÀ TRANG PHỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Mục 1

**MẪU, QUY CÁCH, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
SỐ HIỆU, BIÊN HIỆU, PHÙ HIỆU, CỜ HIỆU, CẤP HIỆU**

Điều 4. Số hiệu của công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp

1. Số hiệu công chức Quản lý thị trường gồm hai phần, phần đầu là số hiệu của cơ quan Quản lý thị trường ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

hoặc cơ quan Quản lý thị trường ở trung ương; phần thứ hai gồm chữ “QLTT” và dãy số tự nhiên là số được cấp cho từng công chức; hai phần được nối với nhau bằng dấu gạch ngang (-). Mẫu số hiệu Quản lý thị trường được thể hiện tại mục 5 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mỗi công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp được cấp một số hiệu công chức. Số hiệu công chức đồng thời là số hiệu ghi trên biển hiệu Quản lý thị trường và số Thẻ kiểm tra thị trường của công chức.

Điều 5. Biển hiệu Quản lý thị trường

1. Biển hiệu Quản lý thị trường cấp cho công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường được đeo ở ngực trái trang phục Quản lý thị trường.

2. Biển hiệu Quản lý thị trường có chất liệu bằng kim loại mạ màu vàng dày 1,5mm, kích thước 8,5cm x 2,5cm; nền biển hiệu màu xanh đen, mặt trên phủ nhựa trong. Phía bên trái (nhìn từ hướng đối diện) có hình phù hiệu Quản lý thị trường, kích thước 1,5cm x 1,5cm; phía bên phải ghi họ và tên và số hiệu công chức, chữ in hoa chữ màu vàng. Xung quanh có đường viền nhỏ màu vàng, độ rộng đường viền là 1,2mm; phía sau có ghim cài vào áo.

2. Mẫu biển hiệu Quản lý thị trường được thể hiện tại hình 1 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp số hiệu, biển hiệu Quản lý thị trường

1. Hồ sơ đề nghị cấp lần đầu số hiệu công chức, cấp lần đầu biển hiệu Quản lý thị trường bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lần đầu số hiệu công chức, cấp lần đầu biển hiệu Quản lý thị trường và danh sách đề nghị cấp lần đầu số hiệu công chức, cấp lần đầu biển hiệu Quản lý thị trường theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao được chứng thực quyết định tuyển dụng, tiếp nhận vào làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường và 01 (một) bản sao được chứng thực quyết định về ngạch công chức hiện tại của công chức có xác nhận sao y bản chính của cơ quan sử dụng công chức.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày công chức được tuyển dụng, tiếp nhận làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp, thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Quản lý thị trường ở trung ương và thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lập hồ sơ đề nghị cấp lần đầu số hiệu, cấp lần đầu biển hiệu đối với công chức của đơn vị đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường quyết định cấp số hiệu, biển hiệu cho công chức được đề nghị; trường hợp không cấp số hiệu, biển hiệu phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4. Cấp lại biển hiệu Quản lý thị trường và hồ sơ đề nghị cấp lại:

a) Biển hiệu được cấp lại khi có thay đổi về nội dung ghi trên biển hiệu, bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại biển hiệu gồm văn bản đề nghị cấp lại biển hiệu và danh sách đề nghị cấp lại biển hiệu Quản lý thị trường có ghi rõ lý do đề nghị cấp lại. Mẫu danh sách đề nghị cấp lại biển hiệu theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Thủ tục cấp lại biển hiệu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 7. Phù hiệu Quản lý thị trường

1. Mẫu phù hiệu Quản lý thị trường được thể hiện tại hình 2a Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này và được sử dụng để gắn, in, thêu, đúc trên cấp hiệu ve áo, biển hiệu, cờ hiệu, Thẻ kiểm tra thị trường, ấn chỉ Quản lý thị trường, giấy tờ công vụ, vật lưu niệm của cơ quan Quản lý thị trường và trên các phương tiện phục vụ hoạt động công vụ của cơ quan Quản lý thị trường các cấp.

2. Mẫu phù hiệu Quản lý thị trường gắn cảnh tùng được thể hiện tại hình 2b Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này và được sử dụng để gắn trên mặt trước mũ kê pi, mũ mềm; in, gắn, đúc trên các vật phẩm phục vụ công tác tuyên truyền, hội nghị, hội thảo và các sự kiện khác của cơ quan Quản lý thị trường; được gắn, đặt ở vị trí trang trọng tại trụ sở, trên biển hiệu cơ quan Quản lý thị trường các cấp.

Điều 8. Cờ hiệu Quản lý thị trường

1. Mẫu cờ hiệu Quản lý thị trường được thể hiện tại hình 3 Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này.

2. Cờ hiệu Quản lý thị trường được treo, đặt ở vị trí trang trọng tại phòng làm việc của lãnh đạo cơ quan Quản lý thị trường các cấp, tại phòng họp, hội trường cơ quan Quản lý thị trường các cấp, tại các cuộc họp sơ kết, tổng kết, hội nghị chuyên đề và các cuộc họp trọng thể khác của cơ quan Quản lý thị trường; được gắn, cắm trên các phương tiện phục vụ hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và được sử dụng trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cấp hiệu Quản lý thị trường

1. Mẫu cấp hiệu Quản lý thị trường gắn trên ve áo được thể hiện tại hình 4a Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này. Mẫu cấp hiệu Quản lý thị trường gắn trên vai áo được thể hiện tại hình 4b Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cấp hiệu Quản lý thị trường được cấp cho công chức 01 bộ/02 năm, trường hợp cấp hiệu bị hư hỏng, bị mất thì được cấp lại và được cấp phát bổ sung khi thay đổi chức vụ lãnh đạo, ngạch công chức Quản lý thị trường.

Mục 2

MẪU, QUY CÁCH, TIÊU CHUẨN, NIÊN HẠN CẤP PHÁT TRANG PHỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Điều 10. Mẫu, quy cách trang phục Quản lý thị trường

1. Áo xuân hè, thu đông và áo mặc trong áo khoác mùa đông cho nam:

a) Áo xuân hè cho nam là áo bludông ngắn tay, vải màu xanh nhạt; cổ đứng; phía dưới có đai xung quanh; thân trước có hai túi ngực, bên ngoài có đố ở giữa, có nắp lượn hình cánh nhọn, giữa nắp túi có đính một cúc. Áo có hai đai thân trước và một đai thân sau. Cầu vai thân sau may chắp ly hai bên. Đầu cổ áo có thừa khuyết để đeo cấp hiệu ve áo, trên vai có đĩa vai để đeo cấp hiệu vai áo. Cúc áo bằng nhựa màu xanh nhạt, đường kính 10mm;

b) Áo thu đông cho nam là áo bludông dài tay, vải màu xanh nhạt; cổ đứng; phía dưới có đai xung quanh, thân trước có hai túi ngực, bên ngoài có đố ở giữa, có nắp lượn hình cánh nhọn, giữa nắp túi có đính một cúc. Áo có hai đai thân trước và một đai thân sau. Cầu vai thân sau may chắp ly hai bên. Đầu cổ áo có thừa khuyết để đeo cấp hiệu ve áo, trên vai có đĩa vai để đeo cấp hiệu vai áo. Cúc áo bằng nhựa màu xanh nhạt, đường kính 10mm;

c) Áo mặc trong áo khoác mùa đông nam là áo dài tay, vải màu xanh nhạt; cổ đứng để cài cravat; gấu áo bằng, gấu áo điều một đường may 0,5cm; thân trước có hai túi ngực, bên ngoài có đố ở giữa, có nắp lượn hình cánh nhọn, giữa nắp túi có đính một cúc. Cầu vai thân sau may chắp ly hai bên. Đầu cổ áo có thừa khuyết để đeo cấp hiệu ve áo, trên vai có đĩa vai để đeo cấp hiệu vai áo. Cúc áo bằng nhựa màu xanh nhạt, đường kính 10mm;

d) Mẫu áo xuân hè và thu đông cho nam được thể hiện tại hình 1 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Áo xuân hè, thu đông và áo mặc trong áo khoác mùa đông cho nữ:

a) Áo xuân hè cho nữ là áo ngắn tay, vải màu xanh nhạt; cổ hai ve, có hai ly trước và hai ly sau; hai túi dưới hai bên, nắp liền có gấn cúc. Đầu cổ áo có thừa khuyết để đeo cấp hiệu ve áo, trên vai có đĩa vai để đeo cấp hiệu vai áo. Gấu áo bằng; cổ áo và gấu áo điều một đường may 0,5cm. Cúc áo bằng nhựa màu xanh, đường kính 10mm;

b) Áo thu đông cho nữ là áo dài tay, vải màu xanh nhạt, không có túi; cổ đứng để cài cravat; có nẹp bong; có hai ly trước và hai ly sau. Đầu cổ áo có thừa khuyết để đeo cấp hiệu ve áo, trên vai có đĩa vai để đeo cấp hiệu cầu vai. Gấu áo bằng, gấu áo điều một đường may 0,5cm. Cúc áo bằng nhựa màu xanh, đường kính 10mm;

c) Áo mặc trong áo khoác mùa đông nữ là áo dài tay, vải màu xanh nhạt, không có túi; cổ đứng để cài cravat; có nẹp bong; có hai ly trước và hai ly sau. Đầu cổ áo có thừa khuyết để đeo cấp hiệu ve áo, trên vai có đĩa vai để đeo cấp

hiệu cầu vai. Gấu áo bằng, gấu áo điều một đường may 0,5cm. Cúc áo bằng nhựa màu xanh, đường kính 10mm.

d) Mẫu áo xuân hè và thu đông cho nữ được thể hiện tại hình 2 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Áo khoác cho nam là áo khoác mùa đông, vải màu cỏ úa, dài tay; 02 túi trên kiểu túi chìm, có nắp ngoài và cúc màu vàng đường kính 15mm; 02 túi dưới hai bên kiểu túi chìm, có nắp ngoài, cúc màu vàng đường kính 20mm; phía trên bên trong áo có 02 túi; cổ hai ve; áo đóng 04 cúc màu vàng đường kính 20mm thành một hàng dọc. Đầu cổ áo có thừa khuyết để đeo cấp hiệu ve áo, trên vai có đĩa vai để đeo cấp hiệu vai áo; thân sau xẻ; tay áo làm bác tay rộng 9,5cm; toàn bộ ve áo, cổ áo, bác tay đều điều một đường may 0,5cm. Mẫu áo khoác cho nam được thể hiện tại hình 3 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Áo khoác cho nữ là áo khoác mùa đông, vải màu cỏ úa, dài tay; 02 túi dưới hai bên, kiểu túi chìm, có nắp ngoài và cúc màu vàng đường kính 20mm; phía trên bên trong áo có 02 túi; cổ hai ve; áo đóng 04 cúc màu vàng đường kính 20mm thành một hàng dọc. Đầu cổ áo có thừa khuyết để đeo cấp hiệu ve áo, trên vai có đĩa vai để đeo cấp hiệu vai áo; thân sau có xẻ; tay áo làm bác tay rộng 8cm; toàn bộ ve áo, cổ áo, bác tay đều điều một đường may 0,5cm. Mẫu áo khoác cho nữ được thể hiện tại hình 4 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Áo măng tô san, áo bông:

a) Áo măng tô san có vải màu cỏ úa, 02 lớp; có 02 túi dưới chéo hai bên, kiểu túi chìm; cổ hai ve; áo đóng 06 cúc màu vàng đường kính 20mm thành một hàng dọc. Đầu cổ áo có thừa khuyết để đeo cấp hiệu ve áo, trên vai có đĩa vai để đeo cấp hiệu vai áo. Mẫu áo măng tô san được thể hiện tại hình 5 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Áo bông có vải màu cỏ úa, 03 lớp; áo có khóa kéo; có mũ trùm đầu (gắn với áo bằng khóa kéo); gấu áo có dây bó. Đầu cổ áo có thừa khuyết để đeo cấp hiệu ve áo, trên vai có đĩa vai để đeo cấp hiệu cầu vai. Áo có 02 túi trên kiểu túi chìm, có nắp ngoài và cúc màu vàng đường kính 15mm; phía trên bên trong áo có 02 túi; có 02 túi dưới chéo hai bên, kiểu túi chìm; áo đóng cúc màu vàng đường kính 20mm thành một hàng dọc. Mẫu áo bông được thể hiện tại hình 6 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Quần âu cho nam có vải màu cỏ úa, 02 ly trước, hai túi quần dọc chéo, thân sau có 02 túi hậu cài cúc; ống quần có lót lưng; đầu cạp có một móc và một cúc nằm trong. Mẫu quần âu nam được thể hiện tại hình 7 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Quần âu, váy cho nữ:

a) Quần âu nữ có vải màu cỏ úa, có ly trước chìm hai bên, hai túi quần sát cạp; đầu cạp có một móc và một cúc nằm trong. Mẫu quần âu nữ được thể hiện tại hình 8 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Váy hình chữ A, vải màu cỏ úa, xẻ thân sau, có khóa kéo, chiết ly hai bên. Mẫu váy được thể hiện tại hình 9 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Mũ kê pi, mũ mềm, mũ bông, cravat:

a) Mũ kê pi là kiểu mũ vành cong, chóp mũ làm bằng vải màu xanh nhạt; đai mũ (chân cầu mũ) làm bằng vải màu cỏ úa. Lưỡi trai bằng nhựa màu đen; đai mũ có 02 sợi tua bằng vải (dây coóc đông) màu vàng, hai đầu sợi tua đính với 02 khuy bằng kim loại màu vàng, hình tròn, mặt khuy có ngôi sao năm cánh nổi. Phía trước đai mũ được gắn phù hiệu cảnh tùng. Mẫu mũ kê pi được thể hiện tại hình 10 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Mũ mềm làm bằng vải màu cỏ úa, trán mũ bọc nhựa cứng được gắn phù hiệu cảnh tùng; phía trước mũ có lưỡi trai bản rộng 65cm bọc nhựa cứng. Mẫu mũ mềm được thể hiện tại hình 10 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Mũ bông làm bằng vải màu cỏ úa, được gắn phù hiệu cảnh tùng (loại nhỏ), mẫu mũ bông được thể hiện tại hình 10 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Cravat kiểu củ ấu thắt sẵn dùng dây khóa nhựa điều chỉnh; độ dài trung bình là 420 mm đối với nam và 360mm đối với nữ. Mẫu cravat được thể hiện tại hình 10 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Mẫu, quy cách trang phục đại lễ như quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6, khoản 7, điểm a và điểm d khoản 8 Điều này. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường công bố màu sắc trang phục đại lễ.

Điều 11. Tiêu chuẩn, niên hạn cấp phát trang phục đối với công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp

1. Áo xuân hè được cấp 02 chiếc/01 năm/01 công chức.

2. Áo thu đông được cấp 02 chiếc/01 năm/01 công chức. Áo mặc trong áo khoác mùa đông được cấp 01 chiếc/01 năm/01 công chức.

3. Áo khoác cho nam và áo khoác cho nữ: 01 chiếc/02 năm/01 công chức.

4. Áo măng tô san hoặc áo bông: 01 chiếc/04 năm/01 công chức. Áo măng tô san, áo bông chỉ cấp phát cho công chức Quản lý thị trường làm nhiệm vụ tại các tỉnh miền núi, vùng có khí hậu lạnh.

5. Quần âu cho nam: 02 chiếc/01 năm/01 công chức.

6. Quần âu hoặc váy cho nữ: 02 chiếc/01 năm/01 công chức.

7. Cravat: 01 chiếc/02 năm/01 công chức.

8. Mũ kê pi, mũ mềm và mũ bông: được cấp một lần, trường hợp bị cũ, hư hỏng, bị mất thì được cấp lại. Mũ bông chỉ cấp phát cho công chức Quản lý thị trường làm nhiệm vụ tại các tỉnh miền núi, vùng có khí hậu lạnh.

9. Trang phục đại lễ: 01 bộ/05 năm/01 công chức.
10. Các loại trang phục khác:
- a) Mũ bảo hiểm dùng đi xe máy: 01 chiếc/02 năm/01 công chức;
 - b) Thắt lưng: 01 chiếc/01 năm/01 công chức;
 - c) Giấy da: 01 đôi/01 năm/01 công chức;
 - d) Dép quai hậu: 01 đôi/01 năm/01 công chức;
 - đ) Tất: 04 đôi/01 năm/01 công chức;
 - e) Áo mưa: 01 bộ/01 năm/01 công chức;
 - g) Cặp tài liệu: 01 chiếc/02 năm/01 công chức;
 - h) Ủng: 01 đôi/01 năm/01 công chức;
 - i) Quần áo bảo hộ lao động: 01 bộ/ 01 năm/01 công chức;
 - k) Găng tay bảo hộ lao động: 02 đôi/ 01 năm/01 công chức;
 - l) Mũ bảo hộ lao động: 01 chiếc/02 năm/01 công chức;
 - m) Áo phao: 01 chiếc/03 năm/01 công chức (chỉ cấp phát cho công chức Quản lý thị trường làm nhiệm vụ trên sông, trên biển).

Đối với các tỉnh, thành phố từ Đà Nẵng trở vào phía Nam, tùy điều kiện cụ thể, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh xem xét, đề nghị chuyển đổi trang phục áo khoác, áo măng tô san hoặc áo bông thành quần áo xuân hè hoặc quần áo thu đông để phù hợp với điều kiện khí hậu.

Mục 3

KINH PHÍ VÀ CHẾ ĐỘ MUA SẮM, CẤP PHÁT BIỂN HIỆU, PHÙ HIỆU, CỜ HIỆU, CẤP HIỆU VÀ TRANG PHỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Điều 12. Kinh phí mua sắm biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu và trang phục Quản lý thị trường

1. Kinh phí mua sắm biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu và trang phục của công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp nằm trong kinh phí đảm bảo hoạt động của Tổng cục Quản lý thị trường. Hằng năm, Tổng cục Quản lý thị trường lập dự toán kinh phí mua sắm biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục Quản lý thị trường theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Cách thức tổ chức mua sắm và cấp phát biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu và trang phục Quản lý thị trường:

a) Tổng cục Quản lý thị trường thực hiện mua sắm tập trung và quản lý cấp phát biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu và trang phục cho toàn lực lượng Quản lý thị trường.

b) Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường quy định và quyết định việc mua sắm, cấp phát trang phục của các đơn vị trực thuộc đối với những đợt mua sắm nhỏ lẻ, đợt xuất để đáp ứng các yêu cầu cụ thể.

Điều 13. Chế độ mua sắm, cấp phát biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu và trang phục Quản lý thị trường

1. Việc cấp phát, sử dụng biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu và trang phục Quản lý thị trường phải đúng tiêu chuẩn, đối tượng, niên hạn theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu và trang phục Quản lý thị trường được cấp bị hư hỏng vì nguyên nhân khách quan thì được xem xét cấp bổ sung. Trường hợp biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu và trang phục Quản lý thị trường được cấp bị hư hỏng, mất mát không phải do nguyên nhân khách quan, không có lý do chính đáng, cá nhân phải đăng ký với cơ quan Quản lý thị trường để được cấp bổ sung và phải chịu chi phí cấp bổ sung.

3. Vải và các nguyên liệu dùng để mua sắm trang phục Quản lý thị trường đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn cụ thể do Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường công bố.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường các cấp có trách nhiệm:

a) Mở sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu và trang phục Quản lý thị trường đối với công chức thuộc đơn vị theo quy định tại Thông tư này;

b) Chịu trách nhiệm về việc sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu và trang phục Quản lý thị trường của công chức trong đơn vị;

c) Báo cáo đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường cấp lần đầu, cấp lại số hiệu, biển hiệu đối với công chức Quản lý thị trường trong phạm vi đơn vị mình quản lý;

d) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, cấp phát số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu và trang phục Quản lý thị trường đối với công chức thuộc đơn vị.

2. Mốc thời gian để tính niên hạn cấp phát cấp hiệu, trang phục Quản lý thị trường lần sau được tính từ thời điểm cấp phát trước đó gần nhất.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

Biển hiệu đã cấp trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng tới hết ngày 30 tháng 11 năm 2019 và phải được thu hồi, tiêu hủy.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *23* tháng *11* năm 2018.

2. Bãi bỏ Thông tư số 07/2014/TT-BCT ngày 14 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về quản lý sử dụng trang phục, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, biển hiệu và Thẻ kiểm tra thị trường của Quản lý thị trường và Thông tư liên bộ số 08 TT/LB ngày 21 tháng 3 năm 1995 của Bộ Thương mại - Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ cấp phát trang phục cho cán bộ làm công tác Quản lý thị trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, QLTT (05).

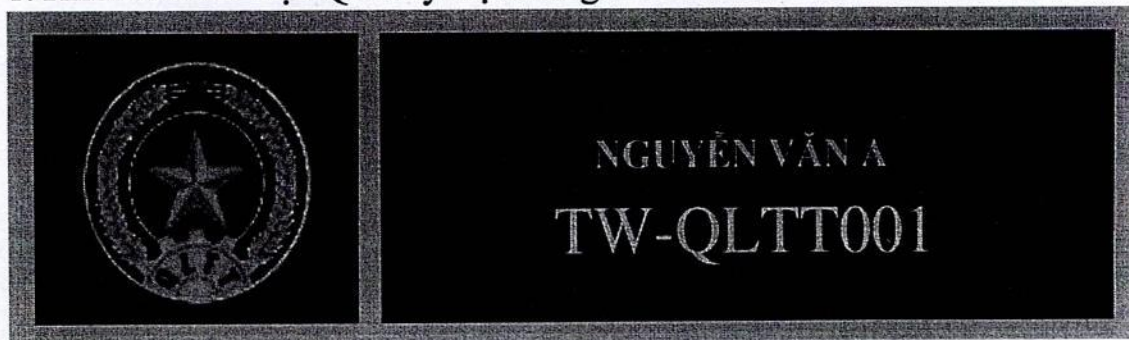


Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 32 /2018 /TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Hình 1. Biển hiệu Quản lý thị trường:



2. Hình 2. Phù hiệu Quản lý thị trường:

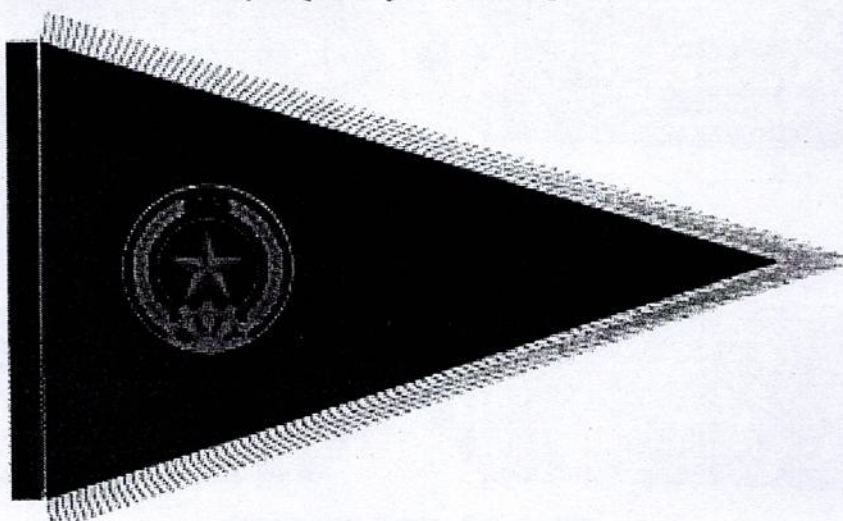


Hình 2a



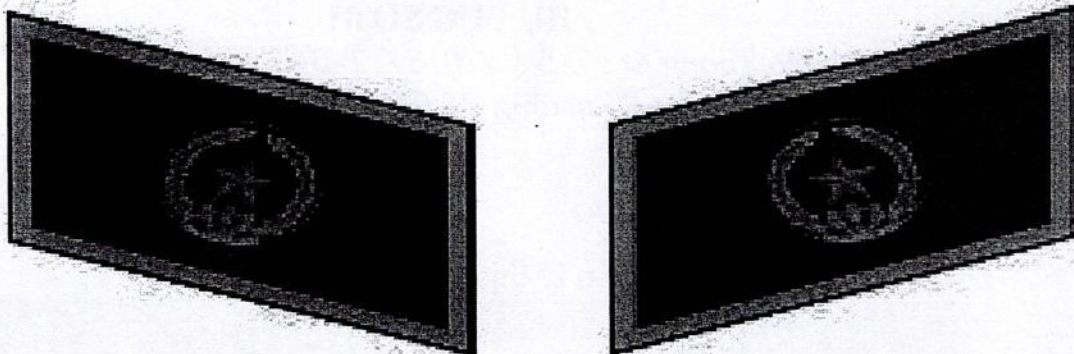
Hình 2b

3. Hình 3. Cờ hiệu Quản lý thị trường:



4. Hình 4 Bộ cấp hiệu Quản lý thị trường:

a) Bộ cấp hiệu gắn trên ve áo (hình 4a):



b) Bộ cấp hiệu gắn trên vai áo (hình 4b):

- Cấp hiệu gắn trên vai của công chức không giữ chức vụ lãnh đạo:



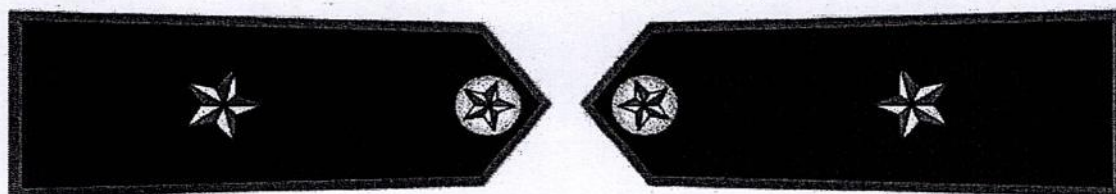
KIỂM SOÁT VIÊN CAO CẤP THỊ TRƯỞNG
VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG



KIỂM SOÁT VIÊN CHÍNH THỊ TRƯỞNG
VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG



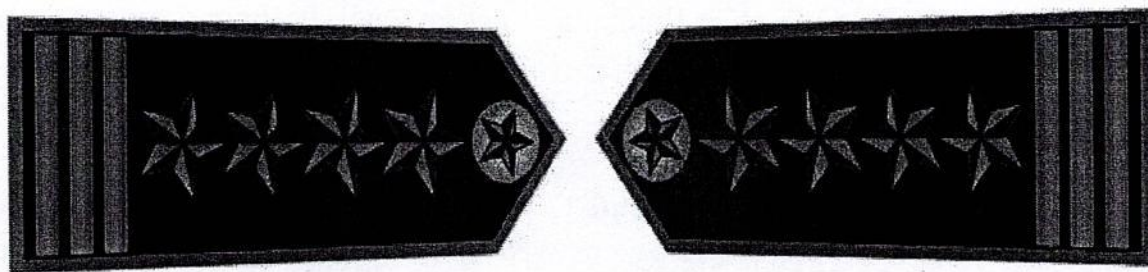
KIỂM SOÁT VIÊN THỊ TRƯỞNG
VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG



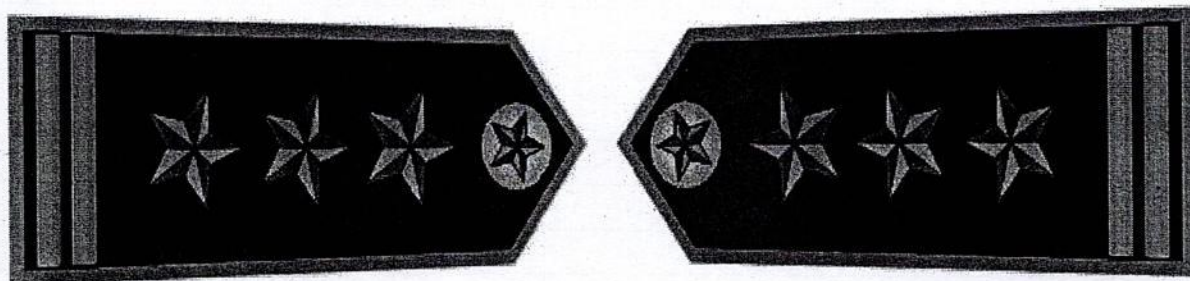
KIỂM SOÁT VIÊN TRUNG CẤP THỊ TRƯỞNG
VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG

- Cấp hiệu gắn trên vai của công chức giữ chức vụ lãnh đạo trong cơ quan Quản lý thị trường các cấp:

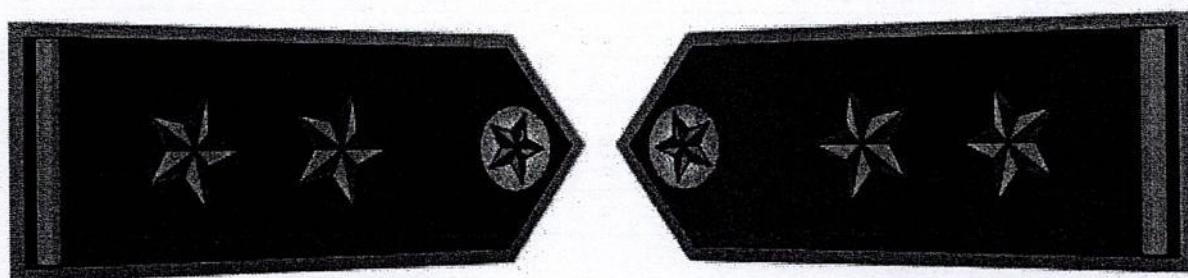
+ Lãnh đạo Tổng cục Quản lý thị trường (Tổng cục trưởng, Phó Tổng Cục trưởng) gắn ba vạch:



+ Lãnh đạo đơn vị thuộc Tổng cục Quản lý thị trường (Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng; Cục trưởng, Phó Cục trưởng; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng) gắn hai vạch:



+ Lãnh đạo đơn vị trực thuộc Văn phòng Tổng cục, Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường, Cục Quản lý thị trường ở địa phương (Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng; Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin truyền thông quản lý thị trường; Đội trưởng và Phó Đội trưởng Đội Quản lý thị trường) gắn một vạch:



5. Mẫu số hiệu Quản lý thị trường:

a) Số hiệu công chức thuộc các tổ chức Quản lý thị trường ở trung ương:

TW-QLTT...

b) Số hiệu công chức thuộc các tổ chức Quản lý thị trường ở địa phương:

T0...-QLTT...

Số hiệu	Tên tỉnh/thành phố	Số hiệu	Tên tỉnh/thành phố
T01	Thành phố Hà Nội	T38	Gia Lai
T02	Thành phố Hồ Chí Minh	T39	Phú Yên
T03	Thành phố Hải Phòng	T40	Đắk Lắk
T04	Thành phố Đà Nẵng	T41	Khánh Hoà
T05	Thành phố Cần Thơ	T42	Lâm Đồng
T10	Hà Giang	T43	Bình Dương
T11	Cao Bằng	T44	Ninh Thuận
T12	Lai Châu	T45	Tây Ninh
T13	Lào Cai	T46	Bình Thuận
T14	Tuyên Quang	T47	Đồng Nai
T15	Lạng Sơn	T48	Long An
T16	Thái Nguyên	T49	Đồng Tháp
T17	Yên Bái	T50	An Giang
T18	Sơn La	T51	Bà Rịa - Vũng Tàu
T19	Phú Thọ	T52	Tiền Giang
T20	Quảng Ninh	T53	Kiên Giang
T21	Bắc Giang	T54	Hậu Giang
T23	Hải Dương	T55	Bến Tre
T24	Hoà Bình	T56	Vĩnh Long
T25	Nam Định	T57	Trà Vinh
T26	Thái Bình	T58	Sóc Trăng
T27	Thanh Hoá	T59	Cà Mau
T28	Ninh Bình	T60	Bắc Kạn
T29	Nghệ An	T61	Vĩnh Phúc
T30	Hà Tĩnh	T62	Bắc Ninh
T31	Quảng Bình	T63	Hưng Yên
T32	Quảng Trị	T64	Hà Nam
T33	Thừa Thiên Huế	T65	Bình Phước
T34	Quảng Nam	T66	Bạc Liêu
T35	Quảng Ngãi	T67	Điện Biên
T36	Kon Tum	T68	Đắk Nông
T37	Bình Định		

PHỤ LỤC SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 32 /2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP SỐ HIỆU, BIẾN HIỆU/CẤP LẠI BIẾN HIỆU

(Kèm theo văn bản số: ngày ... tháng ... năm ...)

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số ngạch hiện giữ	Chức danh/ Tên ngạch công chức hiện tại	Số hiệu công chức QLTT	Tháng năm tuyển dụng		Trình độ chuyên môn		Đã có chứng chỉ TCV, bồi dưỡng ngạch KSVTT...	Ghi chú (Lý do đề nghị cấp cấp/ cấp lại)
							Vào QLTT (Tháng/năm)	Chuyên môn nghiệp vụ	Quản lý nhà nước			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
I Đề nghị cấp số hiệu, biến hiệu												
1	Trần Văn A	Nam	10.02.1980	KSVTT - 21.189	Trưởng phòng	Chưa có	10/2009	ĐHKT	CVC	TCV	Gửi kèm QĐ điều động/tuyển dụng	
2	Đoàn Minh B	Nữ	11.5.1975	KSVTC - 21.190	KSTCTT	Chưa có	6/2000	C. Đảng	CV	TCV	Gửi kèm QĐ điều động/tuyển dụng	
...												
II Đề nghị cấp lại biến hiệu												
1	Nguyễn Minh A	Nam	15.9.1985	KSVTT - 21.189	KSVTT	T22-024	5/1999	ĐH Luật	CV	TCV	Cũ hỏng/Thay đổi đơn vị công tác	
2	Lê Văn X	Nam	11.5.1975	KSVTT - 21.189	P. Trưởng phòng	T22-025	6/2007	ĐH Luật	CV	BDNV	Mất	
...												

CỤC TRƯỞNG/VỤ TRƯỞNG

(Ký đóng dấu)

Ghi chú:

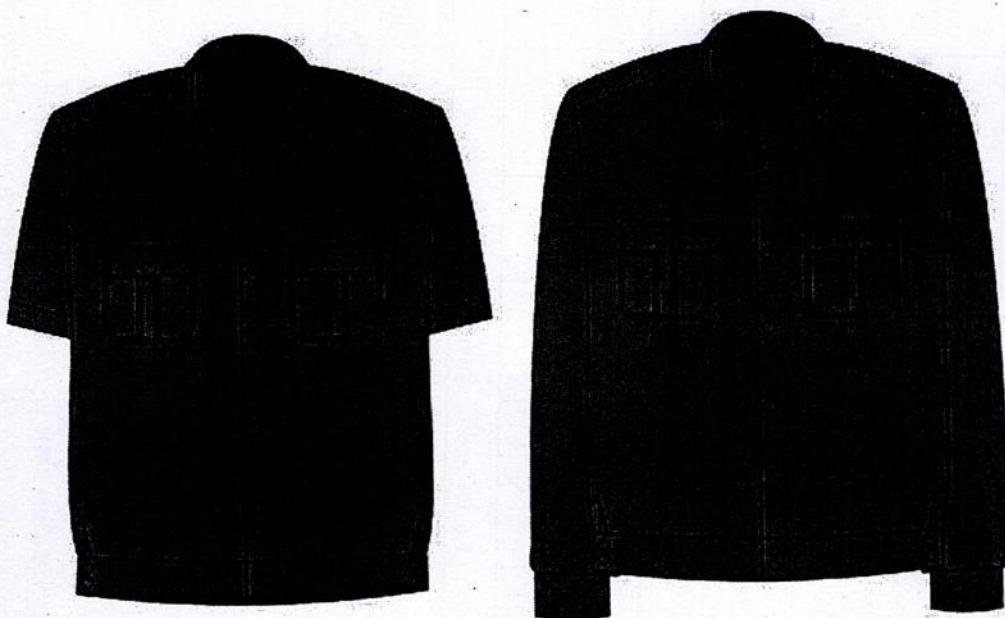
- Cột số 2 và 7: Lập danh sách theo thứ tự tăng dần của số hiệu công chức (không lập theo Đơn vị Phòng/Đội hoặc chức vụ).
- Cột số 6: Ghi chức danh lãnh đạo đối với người đã được bổ nhiệm. Ghi ngạch công chức theo QĐ bổ nhiệm chưa được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo.
- Cột 8: Ghi cụ thể tháng/năm được tuyển dụng theo Quyết định tuyển dụng.
- Cột 12: Ghi cụ thể lý do đề nghị cấp lại biến hiệu.

PHỤ LỤC SỐ 03

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Trang phục Quản lý thị trường:

1. Hình 1. Áo xuân hè và thu đông cho nam:



2. Hình 2. Áo xuân hè và thu đông cho nữ:



3. Hình 3. Áo khoác cho nam:



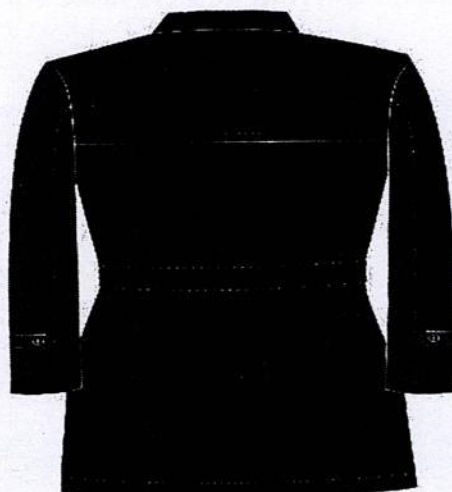
4. Hình 4. Áo khoác cho nữ:



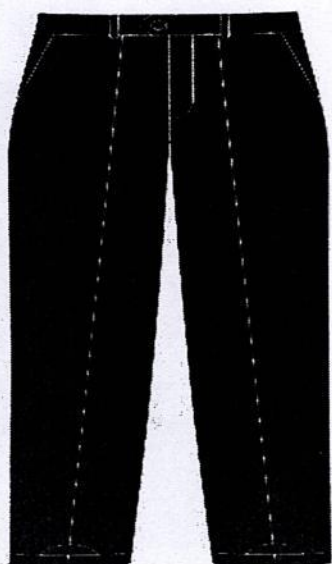
5. Hình 5. Áo măng tô san:



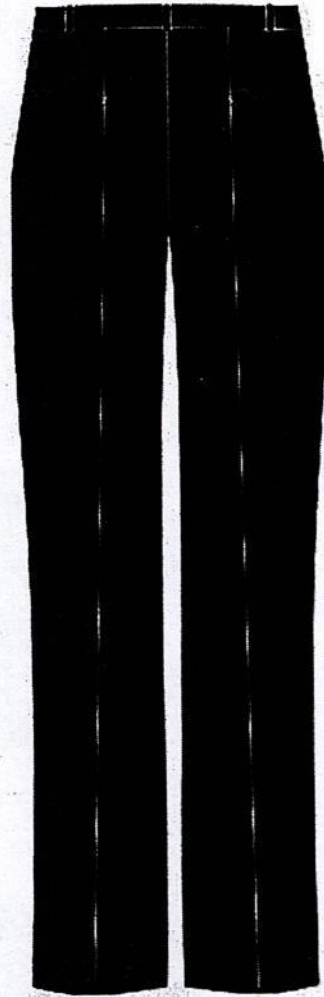
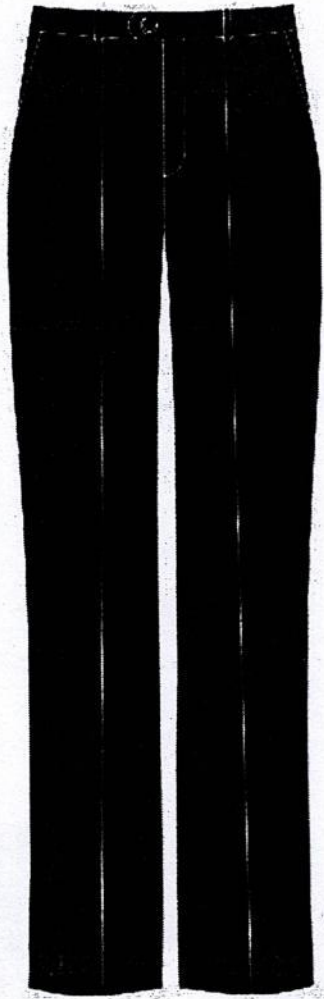
6. Hình 6. Áo bông:



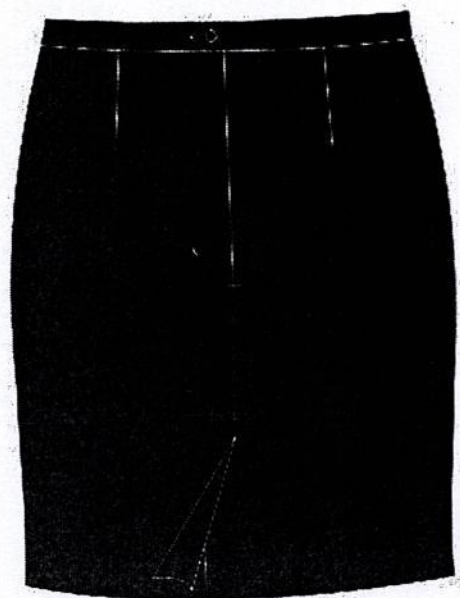
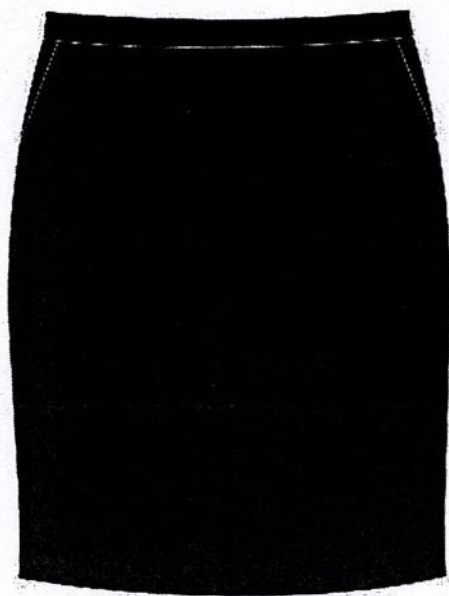
7. Hình 7. Quần âu nam:



8. Hình 8. Quần âu nữ:



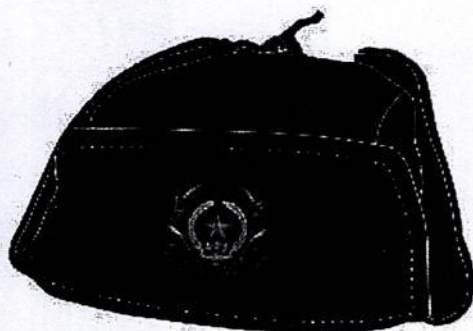
9. Hình 9. Váy:



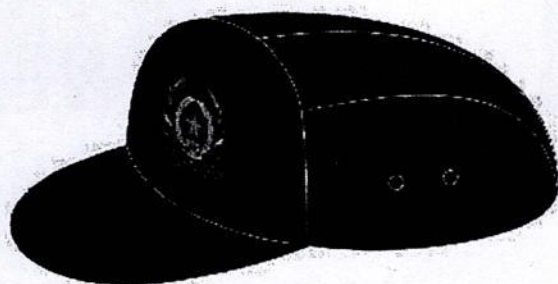
10. Hình 10. Mũ kêpi, Mũ mềm, Mũ bông và Cravat



MŨ KÊ PI



MŨ BÔNG



MŨ MỀM 8 MÚI



Cravat